FireAnt

KẾT QUẢ KINH DOANH

Ngày 31/12/2024	11,600 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	0.9%	0.9%	-

DT thuần

2024: **682** tỷ VNĐ

YoY ▲ 271 ▲ 66.0%

LN gộp

2024: **81.6** tỷ VNĐ

YoY ▲ 18.4 ▲ 29.0%

LN thuần

2024: **67.1** tỷ VNĐ

YoY ▼ 2.50 ▼ 3.6%

LN sau thuế

2024: **53.8** tỷ VNĐ

YoY ▼ 2.20 ▼ 4.0%

ROE

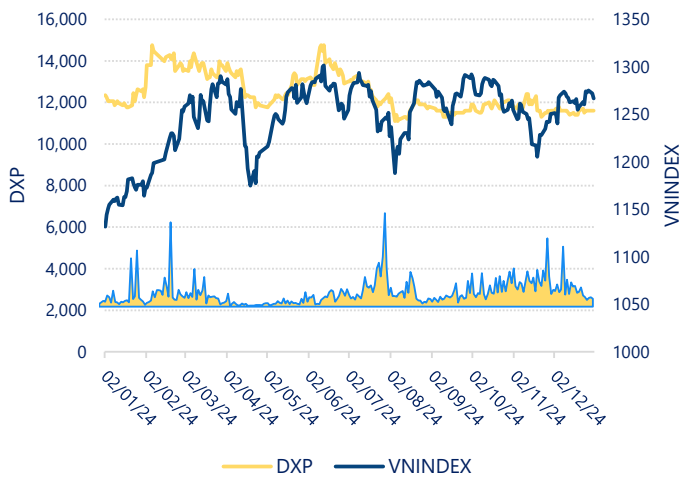
2024: **6.3%**

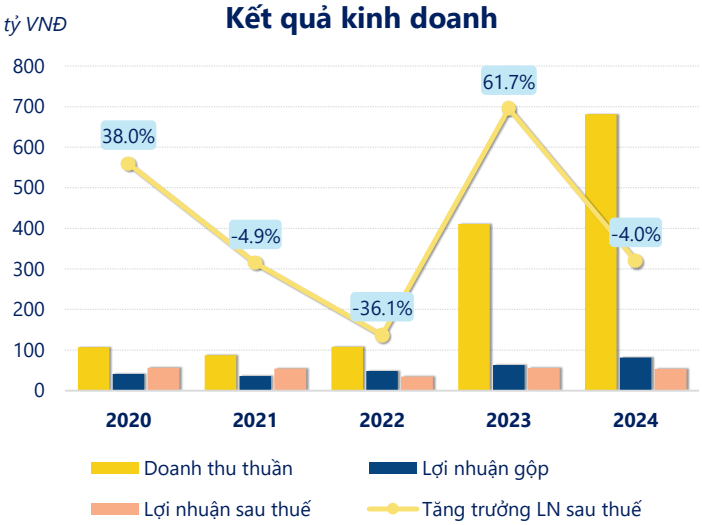
+/- YoY ▼ 1.7%

ROA

2024: **5.4%**

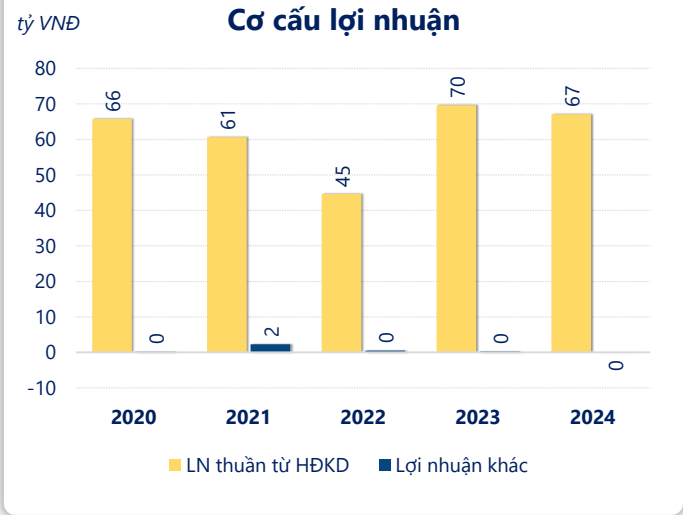
+/- YoY ▼ 1.7%

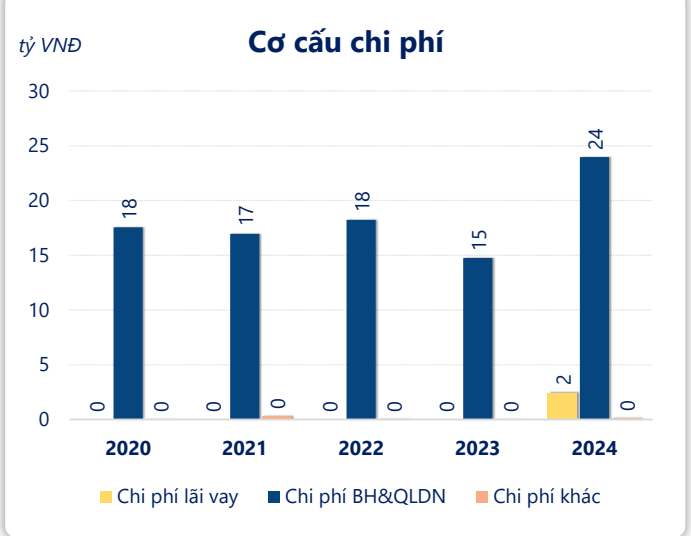




Năm **2024**, **DXP** ghi nhận doanh thu thuần **681.7** tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế **53.78** tỷ đồng, lần lượt **tăng 66.0%** và **giảm 3.97%** so với năm trước.

Kết quả kinh doanh chưa được cải thiện, với sự sụt giảm của lợi nhuận sau thuế. Với **ROE** bằng **6.32%** cho thấy công ty cần cải thiện hiệu quả hoạt động và quản lý tài chính hiệu quả.

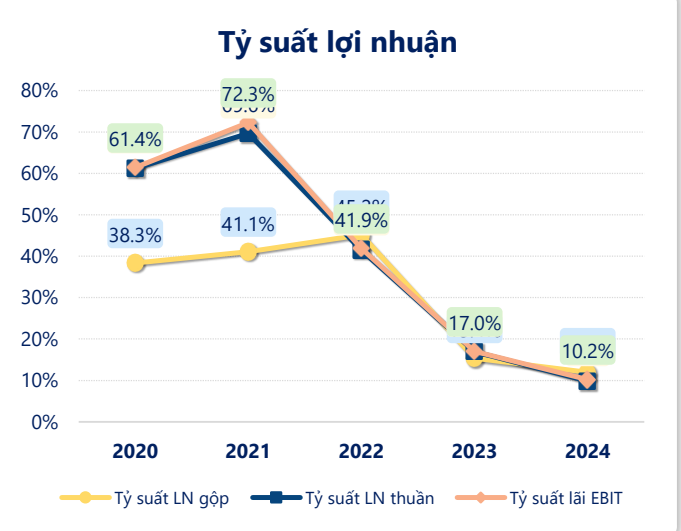


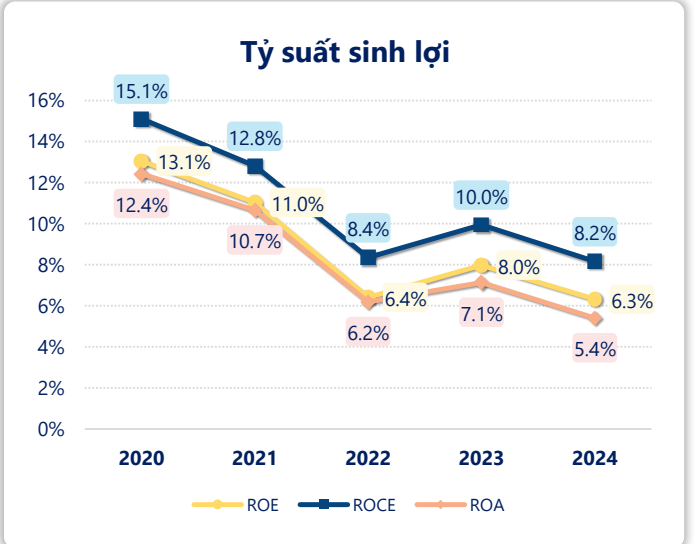


Năm **2024**, **DXP** có **lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh** đạt **67.09** tỷ đồng, **giảm đi 2.50** tỷ so với năm trước. Và cao hơn mức bình quân lợi nhuận thuần 5 năm (61.54 tỷ đồng) là 5.54 tỷ đồng. Cho thấy xu hướng tích cực từ hoạt động kinh doanh khi có sự phục hồi trong những năm gần đây.

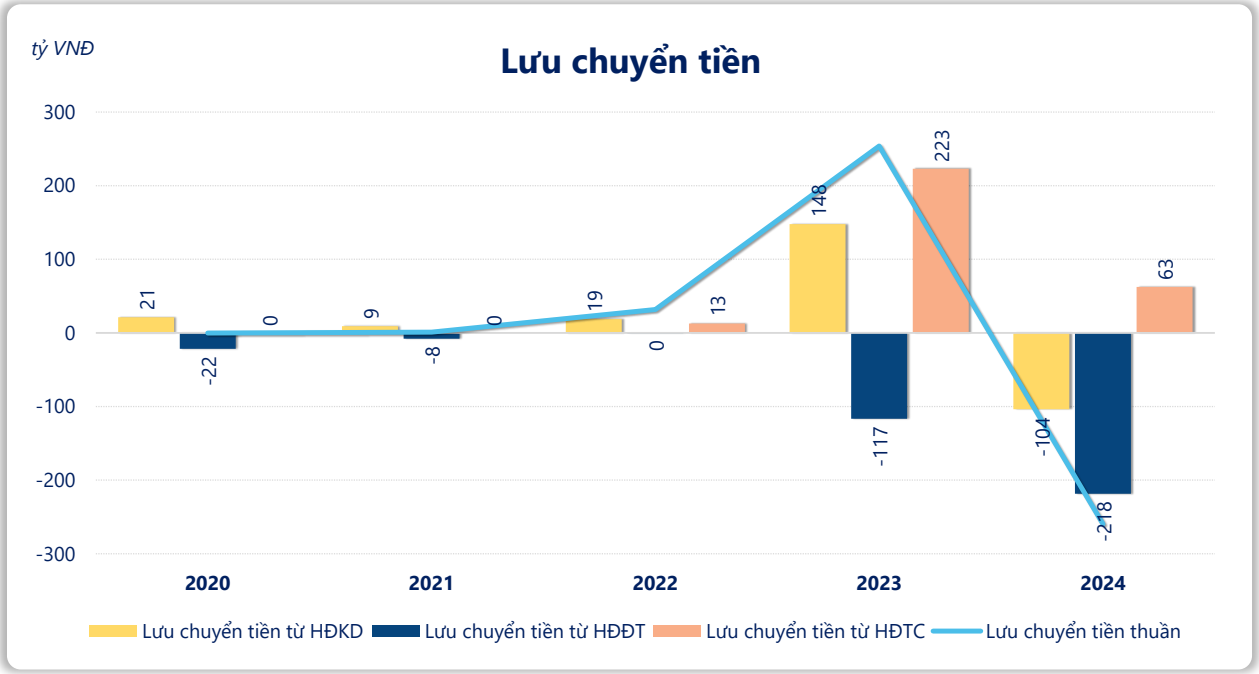
Chi phí lãi vay tăng lên so với năm trước, ở mức **2.43** tỷ đồng. Cùng với đó **chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp** cũng **tăng lên**, ở mức **23.96** tỷ đồng. Bên cạnh đó, **chi phí khác** bằng **0.12** tỷ đồng, **tăng lên** so với năm trước.

ROE của DXP năm 2024 **giảm** so với năm trước còn **6.32%**, đây là mức ROE **thấp nhất** trong vòng 5 năm gần đây.





KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	**107**	**87.1**	**108**	**411**	**682**
Giá vốn hàng bán	66.2	51.3	59.1	347	600
Lợi nhuận gộp	**41.1**	**35.8**	**48.7**	**63.2**	**81.6**
Doanh thu HĐTC	42.2	44.7	21.9	19.2	16.1
Chi phí TC	0.03	2.84	7.71	-1.95	6.58
Chi phí lãi vay	**0**	**0**	**0**	**0**	**2.43**
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	7.18
Chi phí QLDN	17.5	17.0	18.2	14.7	16.8
LN thuần từ HĐKD	**65.7**	**60.6**	**44.7**	**69.6**	**67.1**
Lợi nhuận khác	0.17	2.28	0.47	0.24	-0.03
LN trước thuế	**65.9**	**62.9**	**45.1**	**69.8**	**67.1**
Lợi nhuận sau thuế	**56.9**	**54.2**	**34.6**	**56.0**	**53.8**
LNST của CĐ cty mẹ	**56.9**	**54.2**	**34.6**	**56.0**	**53.8**



Lưu chuyển tiền thuần năm 2024 của DXP bằng **-259.6** tỷ đồng, **giảm** so với năm 2023 (253.9 tỷ đồng). Trong đó, lưu chuyển tiền từ **hoạt động kinh doanh** bằng **-103.8** tỷ đồng, từ **hoạt động đầu tư** là **-218.3** tỷ đồng và từ **hoạt động tài chính** là **62.55** tỷ đồng.